TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Hà Như Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2021/HNST ngày 25 tháng 3 năm 2021, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ Y, sinh năm 1989, địa chỉ thường trú: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Nguyễn Đình L, sinh năm 1976, địa chỉ thường trú: Đường M, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Võ Thị Mỹ Y trình bày:

Bà Võ Thị Mỹ Y (viết tắt là bà Y) và ông Trần Nguyễn Đình L (viết tắt là ông L) tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01-2007, đăng ký ngày 19 tháng 11 năm 2007). Quá trình chung sống vợ chồng, bà Y và ông L có 01 (một) người con chung tên Trần Bảo L1 (nữ), sinh

ngày 25 tháng 6 năm 2007, không có tài sản chung và không có nợ chung. Bà Y không có cất giữ bản chính kết hôn của bà Y và ông L.

Lý do bà Y nộp đơn xin ly hôn với ông L là vì vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông L thiếu sự quan tâm đến vợ, con. Tình trạng này kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà Y và ông L đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Bốn năm gần đây, việc nuôi dưỡng, chăm sóc người con chung chỉ do một mình bà Y đảm trách. Bà Y xác định vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tình cảm dành cho nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng không hàn gắn được nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông L.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 (một) người con chung tên Trần Bảo L1 (nữ), sinh ngày 25 tháng 6 năm 2007 và không yêu cầu ông L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y tự khai là bà và ông L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Trần Nguyễn Đình L được Tòa án thực hiện việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là bà Võ Thị Mỹ Y giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần Nguyễn Đình L. Bị đơn là ông Trần Nguyễn Đình L vắng mặt, không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 58, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Mỹ Y đối với ông Trần Nguyễn Đình L; giao 01 (một) người con chung tên Trần Bảo L1 (nữ), sinh ngày 25 tháng 6 năm 2007 cho bà Võ Thị Mỹ Y trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Y không yêu cầu ông L cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tự khai không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Bà Y chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Võ Thị Mỹ Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Nguyễn Đình L có địa chỉ cư trú tại đường M, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là ông Trần Nguyễn Đình L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị Mỹ Y và ông Trần Nguyễn Đình L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19 tháng 11 năm 2007, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01-2007. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông L là hợp pháp.

Bà Y trình bày quá trình chung sống vợ chồng giữa bà và ông L phát sinh mâu thuẫn do đôi bên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông L thiếu quan tâm vợ, con; mặc dù đã tự hòa giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông L đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải quan hệ hôn nhân, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông L đều vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến trình bày và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Y. Tại phiên tòa, bà Y xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông L.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Y và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Y xin ly hôn với ông L là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ Trích lục khai sinh số 296/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 10 tháng 6 năm 2016 có cơ sở xác định, bà Y và ông L có 01 (một) người con chung tên Trần Bảo L1 (nữ), sinh ngày 25 tháng 6 năm 2007. Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung nêu trên, không yêu cầu ông L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy, người con chung tên Trần Bảo L1 hiện đang sinh sống ổn định cùng với bà Y, được bà Y chăm sóc, nuôi dưỡng; do đó, căn cứ nguyện vọng được tiếp

tục ở cùng với mẹ là bà Y sau khi ba mẹ ly hôn của Trần Bảo L1 cũng như để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, tránh sự xáo trộn về tình cảm và tâm lý của con chung, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao người con chung tên Trần Bảo L1 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do bà Y không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Y tự khai là bà và ông L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Y tự khai là bà và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Y chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, các điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ Y:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ Y được ly hôn với ông Trần Nguyễn Đình L.

- Về con chung: Giao 01 (một) người con chung tên Trần Bảo L1 (nữ), sinh ngày 25 tháng 6 năm 2007 cho bà Võ Thị Mỹ Y trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Y không yêu cầu ông Trần Nguyễn Đình L cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia

đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị Mỹ Y tự khai là bà và ông Trần Nguyễn Đình L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị Mỹ Y tự khai là bà và ông Trần Nguyễn Đình L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Võ Thị Mỹ Y chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0036419 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo :

Bà Võ Thị Mỹ Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Nguyễn Đình L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận F;
- UBND Phường B, Quận F (Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01-2007, đăng ký ngày 19-11-2007);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Trần Hà Như Oanh